TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 142/2019/DS-ST
Ngày: 08/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh;

2. Bà Nguyễn Thị Ly;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1954; địa chỉ: số 281, tổ 15, ấp L, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, đường Q, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang. Là đại diện ủy quyền theo văn bản ngày 26/7/2019 (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Do quen biết nên ngày 29/4/2014, bà D có cho bà Võ Thị Tuyết N vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, mục đích vay để làm ăn và sinh hoạt trong gia đình, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm biên nhận, bà N có ký tên vào biên nhận. Khi cần sử dụng số tiền nói trên, bà D có yêu cầu bà N trả lại nhiều lần, nhưng N chỉ trả được 1.700.000 đồng, còn nợ lại 28.300.000 đồng. Bà N hứa trả nhưng không thực hiện. Từ ngày vay đến nay, bà N không đóng lãi cho bà D. Nay, bà D yêu cầu bà Võ Thị Tuyết N, ông Võ Văn C (là chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 28.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 29/4/2014, bà Lê Thị Ngọc D cho bà Võ Thị Tuyết N vay 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, mục đích vay để phục vụ sinh hoạt trong gia đình, lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay bà N trả được 1.700.000 đồng, không trả lãi. Nay, bà Điệu yêu cầu bà N, ông Võ Văn C (chồng của bà N) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D 28.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Võ Thị Tuyết N, ông Võ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà D với bà N được xác lập được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 29/4/2014 có chữ ký của bà N, thể hiện nội dung *"Bà N có vay của bà D 30.000.000 đồng"*. Sau đó, bà N trả được 1.700.000 đồng nên việc bà D khởi kiện yêu cầu bà N trả 28.300.000 đồng là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đối với ông C, tuy không trực tiếp ký biên nhận nợ nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc bà D yêu cầu ông C liên đới cùng trả 28.300.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, bà D không yêu cầu, nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà Võ Thị Tuyết N. Bà N có nơi cư trú ấp L, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Võ Thị Tuyết N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông C là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của ông D yêu cầu bà N, ông C trả số tiền vay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu bà Võ Thị Tuyết N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 28.300.000 đồng. Bà D cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 29/4/2014, có chữ ký tên của bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bà N đã vay tiền của của D 30.000.000 đồng vào ngày 29/4/2014, đã trả 1.700.000 đồng, hiện còn nợ 28.300.000 đồng, là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vốn vay là 28.300.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông C cùng với bà N trả số tiền vay 28.300.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập

giữa bà D với bà N, ông C không tham gia cùng với bà D trong giao dịch này. Tuy nhiên, ông C và bà N là vợ chồng, mặc dù tại thời điểm xác lập giao dịch trên ông C không biết và không tham gia cùng với bà N, nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo ông P (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày thì mục đích bà N vay tiền của bà D để làm ăn nhằm sinh lợi để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống và sinh hoạt gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc ông C cùng có trách nhiệm liên đới với bà N trả cho bà D số tiền vay 28.300.000 đồng là phù hợp.

[6] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà N, ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền vốn 28.300.000 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N, ông C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc D đối với bà Võ Thị Tuyết N, ông Võ Văn C.

Buộc bà Võ Thị Tuyết N, ông Võ Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc D số tiền vốn 28.300.000 (Hai mươi tám triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Tuyết N, ông Võ Văn C phải chịu 1.415.000 (Một triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Ngọc D là người cao tuổi (trên 60 tuổi) có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà D.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư